

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2021/HC-PT

Ngày 31-3-2021

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Ông Vũ Ngọc Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 713/2020/TLPT-HC ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 280/2021/QĐPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Bà Bùi Thị Kim T, sinh năm 1967 (có mặt).

2. Ông Hà Xuân T, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường 23 tháng 3, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông: Ông Lê Trọng Y; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 05/3/2020 - vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp: Ông Đỗ Thanh C; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2020 - vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ban Quản lý dự án Nhà máy Alumin N.

Địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Duy T; Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tổ chức nhân sự - Công ty Nhôm Đ – TKV (theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2020 - có mặt).

2. Chị Hà Bùi Anh T (vắng mặt).

3. Chị Hà Bùi Minh T (vắng mặt).

3. Chị Hà Bùi Hoàng Kim N (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Anh T và chị Minh T: Ông Hà Xuân T (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: Người khởi kiện, ông Hà Xuân T và bà Bùi Thị Kim T.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện, ông Hà Xuân T và bà Bùi Thị Kim T thống nhất trình bày:

Ông T, bà T có quyền sử dụng diện tích 330m² (trong đó, có 100m² đất ở và 230m² đất nông nghiệp), thuộc thửa 316, tờ bản đồ số 12, tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Ngày 19/07/2006, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1677/2006/QĐ – UBND (Quyết định số 1677), có nội dung thu hồi toàn bộ thửa đất số 316 để thực hiện Dự án Xây dựng nhà máy Alumin N. Tuy nhiên, việc thu hồi đất của UBND huyện Đ không thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và có nhiều sai phạm như sau:

Một là, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1677 ngày 19/07/2006 nhưng đến trước ngày 30/06/2008 thì ông T, bà T không nhận được quyết định nêu trên.

Hai là, khi thu hồi, giải tỏa đất, UBND huyện Đ đã không xem xét đến những tài sản gắn liền với đất, có đủ điều kiện tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn công trình đường dây điện 110kv mà lại thu hồi toàn bộ diện tích đất của ông

T, bà T. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 6, Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/08/2005 của Chính phủ quy định các điều kiện để nhà ở, công trình được tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp đến 220 kv; Tại Khoản 2, Điều 6, Nghị định số 106/2005/NĐ-CP, có nội dung: “Đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp trước khi xây dựng đường dây dẫn điện trên không nếu chưa đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì chủ đầu tư xây dựng công trình lưới điện cao áp chịu kinh phí và tổ chức thực hiện việc cải tạo nhằm thỏa mãn các điều kiện đó. Trường hợp chỉ bị phá dỡ một phần mà phần còn lại vẫn tồn tại, sử dụng được và đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì được bồi thường phần giá trị nhà, công trình bị phá dỡ và chi phí cải tạo hoàn thiện lại nhà, công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ. Chủ đầu tư xây dựng công trình lưới điện cao áp có trách nhiệm chi trả bồi thường cho phần bị phá dỡ đó. Trường hợp không thể cải tạo được để đáp ứng điều kiện nêu trên mà phải dỡ bỏ hoặc di dời thì được bồi thường về nhà, công trình và hỗ trợ để di dời theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

Ba là, diện tích đất thu hồi của hộ gia đình **ông T, bà T** trong hành lang bảo vệ an toàn công trình đường dây điện 110kv, đường dây điện 6kv và đường ống nước phục vụ nhà máy sản xuất Alumin không sử dụng hết gây lãng phí về đất đai là không đúng với chủ trương của Nhà nước về quản lý, sử dụng đất.

Bốn là, khi thu hồi đất **UBND huyện Đ** chưa đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất quy định tại mục 1.3 phần 2 Thông tư số 116/2004/TT – BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: “Diện tích đất được bồi thường là diện tích được xác định trên thực địa – thực tế đo đạc diện tích thu hồi của từng người sử dụng đất” và khoản 1.2 phần 2 Thông tư số 116/2004/TT – BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính, có nội dung: “Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kiểm tra tờ khai và tổ chức thực hiện kiểm kê, đo đạc, xác định cụ thể diện tích đất bị thu hồi, tài sản bị thiệt hại có sự tham gia của đại diện chính quyền (UBND cấp xã) sở tại, xác nhận của người bị thu hồi đất, bị thiệt hại tài sản. Sau khi tiến hành kiểm kê, đo đạc, xác định các căn cứ lập để dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” và tại khoản 3, Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy CNQSDĐ, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai: “Nếu diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất, được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận diện tích nhiều hơn là do khai hoang hoặc nhận chuyển quyền của người sử dụng đất trước đó, đất đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế”. Diện tích đất thực tế **ông T, bà T** đang sử dụng là 468m² nhưng chỉ thu hồi 330m² là thiếu 138m².

Năm là, UBND huyện Đ Quyết định số 3014/QĐ – UBND (Quyết định số 3014) ngày 12/9/2016 chỉ bồi thường theo giá đất nông nghiệp là 1.320.000 đồng/m², trong khi gia đình ông T, bà T là hộ sản xuất kinh doanh, sử dụng đất để làm cơ sở thu mua nông sản, lò sấy và chế biến cà phê theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 63E8000488 đăng ký kinh doanh lần đầu năm 2005, do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đ cấp. Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Đ đã không yêu cầu UBND xã N, cơ quan Thuế xác nhận rõ các nội dung nêu trên để xem xét hỗ trợ theo quy định của pháp luật, cụ thể theo quy định tại khoản 3, Điều 28 quyết định số 16/QĐ – UBND ngày 01/2/2005 của UBND tỉnh Đắk Nông, quy định: “Đối với những hộ kinh doanh dịch vụ có giấy phép kinh doanh do UBND cấp huyện cấp, mức hỗ trợ là 2.000.000 đồng/hộ” và theo quy định tại khoản 1, Điều 30 Quyết 16/QĐ – UBND ngày 01/2/2005 của UBND tỉnh Đắk Nông, quy định: “Hộ gia đình sản xuất kinh doanh, dịch vụ tư nhân tại nhà, tổ hợp tác, hợp tác xã, các doanh nghiệp tư nhân có đăng ký kinh doanh mà bị ngừng sản xuất kinh doanh do việc thu hồi đất, giải tỏa của nhà nước, giải tỏa thì được hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh bằng 30% giá trị 1 năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 3 năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận”. Chính vì vậy, nếu nhà nước thu hồi đất thì đối tượng phải được hỗ trợ là hộ sản xuất kinh doanh, không phải là hộ gia đình cá nhân.

Sáu là, Ngày 20/04/2011, Chủ tịch UBND huyện Đ tổ chức cưỡng chế của hộ gia đình và hộ kinh doanh khi chưa bồi thường là vi phạm quy định của pháp luật.

Từ những sai phạm trên, ông T, bà T đã khiếu nại, được Chủ tịch UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND tỉnh Đ và các cơ quan chức năng nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 12/9/2006, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 3014 về phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình: Xây dựng nhà máy tuyển quặng bauxit, sản xuất Alumini và xây dựng trụ sở làm việc. Trong đó, hộ bà T được bồi thường với tiền là 108.945.588 đồng (bồi thường về đất 1.320.00 đồng, về tài sản 107.625.588 đồng).

Ngày 08/01/2008, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 140/QĐ – UBND (Quyết định số 140) về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, giải phóng mặt bằng xây dựng nhà máy tuyển quặng bauxit, sản xuất Alumini và xây dựng trụ sở làm việc. Trong đó, hộ bà T được bồi thường bổ sung với tiền là 127.906.397 đồng (bồi thường về đất 101.000.00 đồng, về tài sản 26.906.397 đồng).

Ngày 23/10/2009, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4025/QĐ – UBND (Quyết định số 4025) về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho các hộ dân khi Nhà nước thu hồi đất công trình mặt bằng nhà máy sản xuất Alumini xây dựng trụ sở làm việc, theo Quyết định số 645/QĐ – UBND (Quyết định số 645) ngày 06/5/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông. Trong đó, hộ bà T được bồi thường bổ sung với số tiền là 171.513.335 đồng (bồi thường về đất 52.735.000 đồng, về tài sản 118.778.335 đồng).

Như vậy, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà T tại 03 quyết định phê duyệt phương án nêu trên là 408.365.320 đồng (bồi thường về đất số tiền là 155.055.000 đồng, về tài sản là 253.310.320 đồng). Đến nay, ông T, bà T chưa nhận số tiền này. Căn cứ điểm a, khoản 2, điều 9, Nghị định 197/2004/NĐ-CP quy định: “*Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do UBND cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường*”.

UBND huyện Đ không áp dụng chính sách hỗ trợ cho ông T, bà T theo đối tượng hộ gia đình sản xuất kinh doanh là không đúng theo quy định, UBND xã N mới xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, chưa xác nhận tình trạng sử dụng đất, thời điểm sinh sống ổn định, sản xuất kinh doanh trên đất bị thu hồi, thời điểm xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc đất theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 197/NĐ – CP ngày 3/1/2004 của Chính phủ.

UBND huyện Đ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà T theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 16/2005/QĐ – UBND ngày 01/02/2005 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 61/2005/QĐ – UBND ngày 16/12/2005 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của bản quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (ban hành kèm theo Quyết định số 16/2005/QĐ – UBND ngày 01/2/2005 của UBND tỉnh Đắk Nông); Quyết định số 23/2007/QĐ UBND của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, trong quá trình UBND huyện Đ lập phương án bồi thường đã không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật.

Ngày 20/09/2018, UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt bồi thường bổ sung đối với diện tích đất. Ngày 12/10/2018, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2922/QĐ – UBND (Quyết định số 2922) về việc thu hồi bổ sung 138m² và Quyết định số 2924/QĐ – UBND (Quyết định số 2924) về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung. Điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP quy định: “*Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường*”.

UBND huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất số 1677 ngày 19/07/2006, sau 12 năm hộ bà T khiếu nại thì đến ngày 12/10/2018, UBND huyện Đ mới ban hành Quyết định số 2922 thu hồi bổ sung diện tích 138m², đây là chứng cứ chứng minh những sai phạm nghiêm trọng khi thu hồi đất của UBND huyện Đ. Do UBND huyện Đ không áp giá bồi thường tại thời điểm bồi thường nên ông T, bà T tiếp tục khiếu nại Quyết định số 2922, 2924. Ngày 26/12/2018, UBND tỉnh Đắk

Nông ban hành Công văn số 6590/UBND – NC chỉ đạo UBND huyện Đ với nội dung “Yêu cầu UBND huyện Đ rà soát lại toàn diện các nội dung thu hồi và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của hộ ông Hà Xuân T để xây dựng nhà máy Alumin Nhân C, bảo đảm từng nội dung được thực hiện đúng quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, đến ngày 26/01/2019, Chủ tịch UBND huyện Đ ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 218/QĐ – UBND (Quyết định số 218), với nội dung không chấp nhận khiếu nại vì lý do đã giải quyết xong vấn đề bồi thường khi thu hồi đất năm 2006 là trái quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Ngày 20/02/2019, ông T, bà T tiếp tục khiếu nại Quyết định số 218, yêu cầu giải quyết bồi thường về đất và thiệt hại về sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh trên toàn bộ diện tích là 468m² theo giá chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm giải quyết bồi thường, yêu cầu áp giá bồi thường theo loại đất ở do có một phần nhỏ đất nông nghiệp xen kẽ đất ở không phân định được vị trí và ranh giới theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ – CP: “Trường hợp không xác định được ranh giới sử dụng giữa các mục đích thì mục đích sử dụng đất chính được xác định theo loại đất có mức giá cao nhất”.

Ngày 17/12/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 2031/QĐ – UBND (Quyết định số 2031) giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông T và bà T; giữ nguyên Quyết định số 218 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

UBND huyện Đắk R’lấp không thực hiện đúng quy định trong quá trình thu hồi đất và chính sách hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 69/2009/NĐ – CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ.

Quyết định số 693/QĐ – UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông (Quyết định số 693) về việc cho Ban Quản lý Dự án Nhà máy Alumin N thuê 12,047,3m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng các hạng mục phụ trợ thuộc Dự án Nhà máy sản xuất Alumin N, khi thực hiện các bước giải phóng mặt bằng của UBND huyện để có đất giao cho Ban Quản lý dự án Nhà máy Alumin N thuê không được thực hiện đúng quy định, trước thời điểm UBND tỉnh cho thuê đất, ông T, bà T đã có đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết nhưng chưa được giải quyết dứt điểm. Do đó, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành quyết định 693 trong thời gian đang giải quyết đơn khiếu nại là không đúng quy định của pháp luật. Diện tích đất thu hồi của ông T, bà T thì Ban Quản lý Nhà máy Alumin N không sử dụng, gây lãng phí đất đai.

Các quyết định nêu trên của UBND, Chủ tịch UBND huyện Đ, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông đã vi phạm các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục về quản lý đất đai khi thu hồi đất của tổ chức, cá nhân, vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà T. Các vi phạm pháp luật này đã được thể hiện rõ ràng, chi tiết tại Báo cáo số 1610/BC – STNMT ngày 16/07/2015 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết đơn kiến nghị của bà Bùi Thị Kim T; Báo cáo số 06/BC – DXM ngày 20/10/2017 của Đoàn xác minh số 1205-UBND tỉnh Đắk Nông về việc kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Vì vậy, ông T, bà T yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 1677, 693 và giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE112318 ngày 25/4/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông; Hủy toàn bộ Quyết định số 331, 3014, 2922, 2924, 218, 656, 2031; Hủy Quyết định số 656/QĐ-UBND (Quyết định số 656) ngày 28/02/2019 của UBND huyện Đ thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Người bị kiện trình bày:

1. Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Ông T, bà T khiếu nại Quyết định số 2922 và kiến nghị thu hồi và bồi thường tổng diện tích 468m² theo giá tại thời điểm thu hồi, bồi thường theo tiêu chí hộ sản xuất kinh doanh. Việc khiếu nại này đã được Chủ tịch UBND huyện Đ giải thích lần đầu tại Quyết định số 218, có nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại. Không đồng ý, ông T, bà T tiếp tục khiếu nại và ngày 17/12/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 2031 giải quyết khiếu nại lần hai của hộ ông T, bà T là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi thu hồi bổ sung thì UBND huyện Đ đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T, bà T tại thời điểm thu hồi đất. Việc ông T, bà T cho rằng mức bồi thường thấp, không phù hợp so với giá thị trường tại thời điểm có đất bị thu hồi là nội dung khiếu nại sai. Hơn nữa, tại thời điểm UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1677 thì hộ ông T, bà T không đặt máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh mà trên đất chỉ có 02 ngôi nhà, với kết cấu nền bằng xi măng, tường xây gạch, kết hợp với gỗ, mái lợp tôn. Do đó, diện tích 138m², UBND huyện Đ thu hồi bổ sung không phải là cơ sở kinh doanh của hộ ông T, bà T vì đất đã được giao cho Nhà máy tuyển quặng bauxit và sản xuất nhôm Nhân C từ năm 2006. Như vậy, hộ ông T và bà T khiếu nại việc bồi thường sai đối tượng là khiếu nại sai; việc kiến nghị bồi thường, hỗ trợ theo tiêu chí hộ sản xuất kinh doanh là không có cơ sở giải quyết.

Đối với việc ông T, bà T yêu cầu hủy Quyết định số 693: Ban Quản lý Dự án Nhà máy nhôm N từ năm 2007 đến nay đã triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy tuyển quặng bauxit và sản xuất nhôm N, đã xây dựng công trình Nhà máy tuyển quặng, Nhà máy sản xuất nhôm. UBND tỉnh khẳng định việc cho Ban Quản lý dự án Nhà máy Nhôm N thuê đất tại Quyết định cho thuê đất số 693 là đúng quy định tại Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 nên nội dung khiếu nại là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T, bà T và giữ nguyên Quyết định số 2031 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông và Quyết định cho thuê đất số 693 của UBND tỉnh Đắk Nông.

2. Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

- Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1677:

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Nông, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 08/8/2005 về việc thành lập Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng (Hội đồng BTGPMB) và Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 17/8/2005 về việc thành lập tổ chuyên trách giúp việc cho Hội đồng BTGPMB. Sau khi phòng Tài nguyên và Môi trường huyện hoàn thành việc đo đạc, trích lục hồ sơ kỹ thuật đối với từng thửa đất bị thu hồi, ngày 19/7/2006 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1677 thu hồi 1.463.402m² đất của 141 hộ gia đình, cá nhân tại thôn 03, thôn 11 và Bon Bu Dấp, xã N, trong đó có hộ bà T bị thu hồi 330m² đất (gồm 100m² đất ở và 230m² nông nghiệp, thuộc thửa đất số 316, Tờ bản đồ số 12, xã N).

Không đồng ý với việc thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, bà T đã khiếu nại Quyết định số 1677. Ngày 29/9/2008, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2313 không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà T. Không đồng ý, bà T tiếp tục khiếu nại, được Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông giải quyết tại Quyết định số 645, có nội dung: Không công nhận các nội dung khiếu nại của bà T. Vì vậy, việc bà T và ông Tr yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1677 là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 331: Do hộ bà T không bàn giao đất theo Quyết định số 1677 nên ngày 02/3/2011, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định cưỡng chế số 331 là đúng theo quy định tại Khoản 3, Điều 39, Luật Đất đai năm 2003. Sau khi UBND huyện Đ tiến hành cưỡng chế, một số hộ dân đã khiếu nại và khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án các cấp và được cơ quan có thẩm quyền kết luận việc thực hiện cưỡng chế của UBND huyện Đ là có cơ sở, đảm bảo đúng quy định. Như vậy, việc bà T và ông Tr yêu cầu hủy Quyết định số 331 là không có căn cứ.

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3014:

Căn cứ Quyết định số 1677, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 3014 về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình: Xây dựng Nhà máy tuyển quặng Bauxit, sản xuất Alumina và xây dựng trụ sở làm việc, trong đó hộ bà T được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 108.945.588 đồng. Ngoài việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi đất theo Quyết định số 3014, UBND huyện Đ còn ban hành một số quyết định phê duyệt phương án bổ sung cho các hộ dân có đất bị thu hồi trong đó có hộ bà Bùi Thị Kim T, cụ thể:

Quyết định số 140 về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng xây dựng nhà máy tuyển quặng Bauxit, sản xuất Alumina và trụ sở làm việc. Trong đó, đã bổ sung cho hộ bà T với số tiền là 127.906.397 đồng. Sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Đ, UBND huyện Đ đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng xây dựng nhà máy tuyển quặng Bauxit, sản xuất Alumina Nhân C và trụ sở làm việc cho hộ bà Bùi Thị Kim T theo Quyết định số 4025, với tổng số tiền là 408.365.320 đồng (Thực hiện theo kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Đ).

Hộ gia đình bà T cũng đã khiếu nại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất như: Không công khai quy hoạch, Quyết định thu hồi đất; Không chấp nhận mức áp giá đền bù theo phương án đền bù, hỗ trợ; Việc áp giá đền bù không rõ ràng, không tương xứng với giá cả thị trường; không được tính đất liền kề; mức áp giá đền bù cây cối, hoa màu, tài sản vật kiến trúc trên đất còn thấp; Yêu cầu tái định cư trước khi thu hồi đất. Nội dung khiếu nại của bà T đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định

Từ những ý kiến nêu trên, việc bà T yêu cầu hủy Quyết định số 3014 là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Đối với yêu cầu khởi kiện Quyết định số 2922:

Không đồng ý với kết quả giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ. Bà T và ông Tr tiếp tục khiếu nại và được UBND tỉnh Đ chỉ đạo các sở ngành, UBND huyện Đ tiếp tục xem xét, giải quyết. Ngày 20/7/2017, UBND tỉnh Đ thành lập Đoàn liên ngành theo Quyết định số 1205/QĐ-UBND để xác minh nội dung khiếu nại của hộ ông Tr. Quá trình kiểm tra, xác minh Đoàn kiểm tra liên ngành đã kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh diện tích thực tế có tăng thêm 138m² so với Quyết định thu hồi đất số 1677 của UBND huyện Đ.

Trên cơ sở báo cáo của Đoàn kiểm tra liên ngành, UBND tỉnh Đ có Văn bản số 6975/UBND-NC ngày 08/12/2017 chỉ đạo sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Đ thực hiện. Ngày 23/01/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành công văn số 131/STNMT-TTr về việc cung cấp số liệu sử dụng đất của hộ bà Tuyên để UBND huyện Đ xem xét, giải quyết.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Đ và Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2922 thu hồi bổ sung 138m² đất của hộ gia đình ông Tr để thực hiện Công trình xây dựng nhà máy tuyển quặng Bauxit, sản xuất Alumina và trụ sở làm việc tại xã Nhân C, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định đã được UBND huyện Đ thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Quá trình xác minh các nội dung liên quan, ông Tr cũng không có ý kiến khiếu nại đối với vấn đề này.

Hộ ông Tr đã khiếu nại đối với Quyết định này và được cấp có thẩm quyền giải quyết, cụ thể: Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 218 giải quyết khiếu nại của bà T với nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà T; Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 2031 giải quyết khiếu nại lần 02 đối với bà T.

Vì vậy, việc ông Tr yêu cầu hủy Quyết định số 2922 là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2924:

Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi bổ sung 138m² đất của hộ gia đình ông Tr, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2924 phê

duyet phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Tr số tiền 412.778.461 đồng, trong đó, bồi thường về đất là 404.478.000 đồng và các khoản hỗ trợ là 8.300.461 đồng. Ông Tr khiếu nại Quyết định này và được cấp có thẩm quyền giải quyết. Quyết định số 2924 đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật trong việc bồi thường, hỗ trợ tại thời điểm thu hồi đất. Sau khi thu hồi đất, hộ gia đình ông Tr vẫn tiếp tục kinh doanh. Quá trình thực hiện việc đền bù, hỗ trợ cũng như xác minh nội dung khiếu nại thì ông Tr và các bên liên quan không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập sau thuế đối với hộ kinh doanh bà Bùi Thị Kim T để làm cơ sở đối chiếu, tính toán chế độ hỗ trợ đối với hộ sản xuất, kinh doanh theo quy định.

Từ kết quả kiểm tra, xác minh và đối chiếu với quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã ban hành Quyết định giải quyết số 218 và Quyết định số 2031 giải quyết khiếu nại lần 02, có nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của hộ bà T. Như vậy, việc hộ ông Tr và bà T yêu cầu hủy Quyết định số 2924 là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Vì vậy, UBND và Chủ tịch UBND huyện Đ đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ban quản lý dự án nhà máy Alumin N trình bày:

Ông Tr và vợ là bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 693 về việc cho VNAP-PMU thuê 12.047,3m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng các hạng mục phụ trợ Dự án Nhà máy sản xuất Alumin Nhân C. Các nội dung khiếu nại đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh, làm rõ và được UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành quyết định về giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm của VNAP-PMU: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đ tại văn bản số 1230/VPUBND-NC ngày 28/11/2018 về việc giải quyết đơn của ông T, vào lúc 14 giờ ngày 30/11/2018 tại UBND huyện Đ, Phó Chủ tịch UBND huyện đã chủ trì buổi làm việc với thành phần tham gia là các phòng, ban của UBND huyện, VNAP-PMU đi đến thống nhất đề xuất mức hỗ trợ cho gia đình ông Tr và bà T với số tiền là 1.500.000.000 đồng.

VNAP-PMU đã và đang sử dụng khu vực đất từ suối Đ đến mặt bằng Nhà máy Alumin N (bao gồm cả diện tích đất thu hồi của ông Tr, bà T) được UBND tỉnh Đ cho thuê đất tại Quyết định số 693, gồm các hạng mục công trình như sau: Hệ thống điện 110kv; Trạm bơm nước và hệ thống đường ống cấp nước (bao gồm cả đường từ Quốc lộ 14 xuống trạm bơm nước); Hệ thống điện 6kv; Đường ô tô từ Quốc lộ 14 vào mặt bằng Nhà máy; Đường dân sinh từ Quốc lộ 14 vào thôn 11, Bon Bù Dấp; Hoa viên đường vào nhà máy Alumin N.

Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch vùng thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng quặng Bauxite giai đoạn

2007-2015, có xem xét đến 2025 tại Quyết định số 167/2007/QĐ-TTg ngày 01/11/2007, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2007-2015: Đầu tư xây dựng Nhà máy Alumin Đ 1, công suất thiết kế 0,3 triệu tấn/năm, có thể xem xét mở rộng nâng công suất lên 0,6 triệu tấn/năm. Nguồn quặng Bauxite khai thác từ mỏ Nhân C và các mỏ lân cận. Địa điểm nhà máy tại khu vực Nhân C, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Giai đoạn 2016-2025: Nhà máy Alumin Đ 1: đầu tư mở rộng công suất nhà máy 0,6-1,2 triệu tấn/năm. Nguồn quặng Bauxite khai thác từ mỏ Nhân C và các mỏ lân cận.

VNAP-PMU đã đưa Dự án Nhà máy sản xuất Alumin N vào vận hành thương mại kể từ ngày 01/7/2017, vượt công suất thiết kế 650.000 tấn/năm và sẽ đầu tư mở rộng nâng công suất lên gấp đôi khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Như vậy, UBND tỉnh Đắk Nông cho VNAP-PMU thuê 12.047,3m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng các hạng mục phụ trợ Dự án Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận đầu tư và Chủ đầu tư phê duyệt dự án theo quy định pháp luật.

Do đó, đại diện Ban Quản lý dự án nhà máy Alumin N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Chị Hà Bùi Anh T và Hà Bùi Minh T và người đại diện hợp pháp trình bày: Thông nhất nội dung trình bày và yêu cầu của người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 điểm a khoản 3 điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 1 khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Xuân Tr và Bùi Thị Kim T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND huyện Đ thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Xuân Tr và Bùi Thị Kim T đối với yêu cầu hủy một phần các quyết định sau:

- Quyết định số 1677/2006/QĐ-UBND ngày 19/7/2006 của UBND huyện Đ “về việc thu hồi diện tích 1.463.402m² đất của 141 hộ gia đình, cá nhân thường

trú tại thôn (11, 03) và **Bìn Bù Dấp xã N, huyện Đ**” đối với phần diện tích thu hồi đất của Hộ gia đình **bà Bùi Thị Kim T**;

- Quyết định 693/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông “về việc cho Ban quản lý dự án Nhà máy **Alumin N** thuê 12.047,3m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng các hạng mục phụ trợ thuộc Dự án Nhà máy sản xuất **Alumin N**” và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE112318 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cấp ngày 25/4/2017 cho Ban Quản lý dự án Nhà máy **Alumin N** đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ **ông Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T**.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **ông Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T** đối với yêu cầu hủy toàn bộ các quyết định sau:

- Quyết định số 331/QĐ – UBND ngày 02/03/2011 của UBND huyện Đ về việc “Cưỡng chế thi hành Quyết định số 1677/QĐ- UBND ngày 19/7/2006 của **UBND huyện Đ đối với hộ bà Bùi Thị Kim T**”;

- Quyết định số 3014/QĐ – UBND ngày 12/9/2006 của **Ủy ban nhân dân huyện Đ** “về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình: Xây dựng Nhà máy tuyển quặng bauxit, sản xuất Alumin và xây dựng trụ sở làm việc”;

- Quyết định số 2922/QĐ – UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Đ về việc thu hồi bổ sung 138m² đất của hộ gia đình ông **Hà Xuân Tr** (Vợ là bà **Bùi Thị Kim T**) để thực hiện công trình xây dựng nhà máy tuyển quặng bauxite, sản xuất Alumin và trụ sở làm việc tại xã **Nhân C, huyện Đ**, tỉnh Đắk Nông”

- Quyết định số 2924/QĐ – UBND ngày 12/10/2018 của UBND **huyện Đ** về việc “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ **ông Hà Xuân T** (vợ **bà Bùi Thị Kim T**) khi Nhà nước thu hồi đất thuộc công trình Xây dựng Nhà máy tuyển quặng bauxite, sản xuất Alumin và trụ sở làm việc”

- Quyết định số 218/QĐ – UBND ngày 26/01/2019 của Chủ tịch UBND **huyện Đ** “về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông **Hà Xuân T** trú tại thôn 03, **xã N huyện Đ**, tỉnh Đắk Nông”;

- Quyết định số 2031/QĐ – UBND ngày 17/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết khiếu nại của hộ **ông Hà Xuân T và bà Bùi Thị Kim T** (lần hai)”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/9/2020, người khởi kiện ông **Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 22/9/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Tr, bà T**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Bà T và ông Tr trình bày: Giấy CNQSDĐ cấp cho **ông Tr, bà T** là 330m², thực tế sử dụng là 468m² nhưng chỉ bị thu hồi và bồi thường 330m² là thiếu. Tuy sau này, nhà nước có điều chỉnh diện tích thu hồi nhưng giá không đúng quy định, mới chỉ tính giá đất mới đối với phần thu hồi bổ sung (138m²) là không đúng mà phải tính giá mới đối với toàn bộ diện tích 468m². Trên đất, người khởi kiện có sử dụng để thu mua cà phê...theo giấy phép của Phòng Kinh tế **huyện Đ** cấp nên thuộc trường hợp đất kinh doanh. Việc nhà nước không hỗ trợ khi thu hồi đất là không đúng. Các quyết định thu hồi, bồi thường về đất là sai nên việc cưỡng chế là không đúng pháp luật. Hiện tại, **ông Tr, bà T** đang sử dụng khoảng hơn 300m² đất để ươm và bán cây giống, phần đất này nằm trong diện tích trước đây là của người khởi kiện bị nhà nước thu hồi nhưng Nhà máy Alumin không sử dụng hết, gây lãng phí đất. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện là không khách quan, chưa xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông **Tr, bà T**. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của **ông Tr, bà T**.

Đại diện hợp pháp của Ban Quản lý dự án Nhà máy **Alumin N** trình bày: Nhà máy Alumin không kháng cáo bản án sơ thẩm. Trong phần đất cấp cho Nhà máy để xây dựng công trình phụ trợ là đường điện 110kv, 6kv và đường ống cấp nước thì hiện nay **ông Tr, bà T** có sử dụng một phần để ươm, bán cây giống nhưng diện tích cụ thể bao nhiêu? Có nằm trong diện tích trước đây **ông T, bà T** bị thu hồi hay không? thì Nhà máy không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

UBND huyện Đăk R'lấp chỉ căn cứ giấy CNQSDĐ của **ông Tr, bà T** để ban hành Quyết định số 1677 là không đúng nhưng đã được khắc phục tại Quyết định số 2922. Quá trình thu hồi và bồi thường bổ sung theo Quyết định số 2924 đã áp giá tại thời điểm thu hồi bổ sung là đúng quy định. Diện tích đất bị thu hồi trước đó đã được tính bồi thường đầy đủ theo các Quyết định số 3014 và 4025. Do ông **Tr, bà T** không nhận tiền bồi thường nên **UBND huyện Đ** đã chuyển vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước là đúng. Việc giải quyết khiếu nại của người khởi kiện đã thực hiện tại Quyết định số 218, Quyết định số 3021 và Quyết định số 140. Các quyết định thu hồi, bồi thường nêu trên là đúng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

Tuy nhiên, việc thu hồi đất tại Quyết định số 1677 đã có sai sót dẫn đến việc khiếu nại kéo dài đến năm 2019 mới được chấp nhận. Lỗi sai sót này hoàn toàn do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thu hồi, bồi thường nên phải bồi thường lại theo quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP. Quyết định 2924 chỉ áp giá đất mới cho diện tích bị thu hồi bổ sung là chưa đúng quy định. Tại Thông báo số 03 của Hội đồng cưỡng chế **huyện Đ** về giao trả tài sản của đối tượng bị cưỡng chế, thể hiện có việc thu giữ một số thiết bị, dụng cụ, gồm: Máy sấy, quạt máy, sàn phân loại cà phê, công tơ điện 3 pha và một số vật dụng khác là các dụng cụ dùng trong việc kinh doanh cà phê của hộ **bà T**. Tuy

nhiên, quá trình bồi thường thì UBND huyện Đ chưa áp dụng chính sách hỗ trợ đối với đối tượng là hộ sản xuất kinh doanh.

Thông báo số 03 cho thấy hộ bà T có kinh doanh trên đất bị thu hồi nhưng chưa được xem xét và nội dung này án sơ thẩm chưa làm rõ. Do bản án sơ thẩm chưa làm rõ những vấn đề mang tính bản chất của vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên chỉ có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo, một phần kháng nghị. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tr, bà T là chưa đủ căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Ông Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kháng nghị đúng quy định nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện yêu cầu hủy: Một phần Quyết định số 1677, 693 và giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE112318; Hủy toàn bộ Quyết định số 331, 3014, 2922 2924, 218, 656, 2031. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là các quyết định hành chính nêu trên là đúng. Việc Tòa án không xem xét tính hợp pháp của giấy CNQSDĐ số CE112318 là chưa giải quyết đầy đủ yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, căn cứ ban hành giấy CNQSDĐ số CE112318 là Quyết định 693 đã được xem xét, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về sai sót này.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện đã rút yêu cầu hủy Quyết định số 656. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút là có căn cứ.

Về nội dung:

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 19/7/2006, UBND huyện Đ ban hành Quyết định 1677, có nội dung thu hồi tổng diện tích 1.463.402m² đất của 141 hộ gia đình, cá nhân thường trú tại thôn (11, 3) và Bon Bù Dấp, xã N để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy tuyển quặng bauxit và sản xuất nhôm N, trong đó hộ ông Tr, bà T bị thu hồi 330m². Trên cơ sở quyết định này, UBND huyện Đ đã ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, quyết định cưỡng chế thu hồi đất; UBND tỉnh Đắk Nông ban hành quyết định cho thuê đất, cấp giấy CNQSDĐ cho Ban Quản lý Nhà máy Nhôm N và Chủ tịch UBND huyện Đ,

UBND tỉnh Đắk Nông ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định. Tuy nhiên, sau khi có Quyết định 1677 thì ông Tr, bà T đã liên tục khiếu nại. Quá trình giải quyết khiếu nại, UBND tỉnh Đắk Nông đã có nhiều văn bản chỉ đạo UBND huyện Đ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh Đắk Nông, Ban Quản lý Nhà máy Alumin N rà soát, phối hợp để giải quyết khiếu nại, đặc biệt ngày 20/7/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 1205/QĐ-CTUBND thành lập Đoàn Xác minh (Đoàn Xác minh số 1025) về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông Tr và bà T đối với Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc cho Ban Quản lý dự án nhà máy Alumin N thuê 12.047,3m² để sử dụng vào mục đích xây dựng các hạng mục phụ trợ thực hiện Dự án lập nhà máy Alumin N. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông đã có Báo cáo số 1610/BC-TNMT (Báo cáo số 1610/BC-TNMT) ngày 16/7/2015, Thanh tra tỉnh Đắk Nông đã có Báo cáo số 108/BC-TTr (Báo cáo số 108/BC-TTr) ngày 04/8/2016, Đoàn Xác minh số 1025 đã có Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 06/BC-ĐXM ngày 20/10/2017 (Báo cáo kết quả xác minh số 06/BC-ĐXM). Vì vậy, cần xác định đây là cơ sở để giải quyết vụ án.

[5] Xét kháng cáo của người khởi kiện, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện:

[6] Đối với Quyết định số 1677, 3014 của UBND huyện Đ:

[6.1] Ngày 19/7/2006, UBND huyện Đ ban hành Quyết định 1677, có nội dung thu hồi tổng diện tích 1.463.402m² đất của 141 hộ gia đình, cá nhân thường trú tại thôn (11, 3) và bon Bù Dấp, xã N để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy tuyển quặng bauxit và sản xuất alumin N. Ngày 12/9/2006, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 3014, có nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình: Xây dựng nhà máy tuyển quặng bauxite, sản xuất alumin N và xây dựng trụ sở làm việc; tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 28.490.095.379 đồng, trong đó, hộ bà T (số thứ tự 177) được bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà tổng cộng là 108.945.588 đồng (không bồi thường về đất ở, đất nông nghiệp được bồi thường 1.320.000 đồng).

[6.2] Điều 130, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP quy định:

...3. “Trường hợp thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư thì UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm lập phương án tổng thể về bồi thường, giải phóng mặt bằng trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xét duyệt”.

4. “Sau khi phương án tổng thể về bồi thường, giải phóng mặt bằng được xét duyệt, UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có đất bị thu hồi thông báo trước ít nhất chín mươi (90) ngày đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp và một trăm tám mươi (180) ngày đối với trường hợp thu hồi đất phi nông nghiệp cho người đang sử dụng đất biết về lý do thu hồi, thời gian và kế hoạch di chuyển, phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng”.

[6.3] Khoản 11, Điều 2, Nghị định số 17/2006/NĐ-CP quy định:

...5. “Trước khi hết thời gian thông báo ít nhất là hai mươi (20) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về quyết định thu hồi đất. Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xem xét, ký và gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định thu hồi đất. Quyết định thu hồi đất phải bao gồm nội dung thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng thửa đất do tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài sử dụng và nội dung thu hồi đất chung cho tất cả các diện tích đất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng. Trường hợp trên khu đất thu hồi có diện tích đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng thì trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định về thu hồi đất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng. Sau khi có quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm lập và trình phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng...

6. “Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xem xét, ký và gửi cho Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định xét duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng”.

[6.4] Đối chiếu quy định trên thì việc **UBND huyện Đ** ban hành Quyết định số 1677 là không đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất; Quyết định số 3014, có nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi cũng không đúng pháp luật. Điều này phù hợp với Báo cáo kết quả xác minh số 06/BC-ĐXM (bút lục số 340).

[7] Đối với Quyết định số 331 của Chủ tịch **UBND huyện Đ**:

[7.1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Quyết định số 1677, có nội dung thu hồi 330m² của **ông Tr, bà T. Bà T** không đồng ý và khiếu nại. Việc khiếu nại đã được giải quyết tại Quyết định số 2313, 654.

[7.2] Điểm 1, khoản 1, Điều 32, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định: “1. Việc cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại các Điều 29, 30 và 31 Nghị định này.

[7.3] Như vậy, theo nội dung nêu tại mục [6], đối chiếu quy định nêu trên thì tại thời điểm Chủ tịch **UBND huyện Đ** ban hành Quyết định 331 là không

đúng pháp luật. Điều này cũng phù hợp với Báo cáo kết quả xác minh số 06/BC-ĐXM (bút lục 341).

[8] Đối với Quyết định số 2313 của Chủ tịch UBND huyện Đ:

[8.1] Tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 63E8000488 đăng ký lần đầu ngày 03/3/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/5/2009 của Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Đ, thể hiện: Hộ bà T có địa điểm kinh doanh tại thôn 3, xã N, huyện Đ.

[8.2] Tại Biên bản điều tra về hiện trạng đất và tài sản, vật kiến trúc, hoa màu trên đất nằm trong vùng quy hoạch xây dựng nhà máy tuyển quặng bauxite và sản xuất Alumin ngày 06/12/2005 (bút lục 98, 99), thể hiện: Tài sản bị cưỡng chế trên diện tích đất bị thu hồi của bà T tại thôn 3, xã Nhân Cơ, gồm: Nhà 1, diện tích $8,4\text{m} \times 11\text{m} = 92,4\text{m}^2$; Hiên, diện tích $8,4\text{m} \times 3 = 25,3\text{m}^2$; Nhà 2, diện tích $8,4\text{m} \times 9,8\text{m} = 82,32\text{m}^2$; mái che, diện tích $41,4\text{m} \times 13,8\text{m} = 56,58\text{m}^2$; Cửa kéo bằng sắt $7,7\text{m} \times 4,2\text{m}$; Cửa cuốn bằng sắt.

[8.3] Tại khoản 3, Điều 28, Quyết định số 16/2005/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Nông, quy định: “Đối với những hộ kinh doanh, dịch vụ có giấy phép kinh doanh do UBND cấp huyện cấp, mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ” “Hộ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại nhàcó đăng ký kinh doanh mà bị ngưng sản xuất, kinh doanh do việc thu hồi đất, giải tỏa của nhà nước thì được hỗ trợ ngưng sản xuất, kinh doanh bằng 30%/năm thu nhập sau thuế theo mức bình quân của 03 năm liền kề trước đó, được cơ quan thuế xác nhận”.

[8.4] Quyết định số 2313 đã căn cứ Biên bản điều tra hiện trạng sử dụng đất và tài sản, vật kiến trúc, hoa màu trên đất ngày 06/12/2005, có nội dung: Diện tích đất của ông Tr, bà T không đặt máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh mà trên đất chỉ có 02 ngôi nhà, với kết cấu bằng xi măng, tường xây gạch, kết hợp ván gỗ, mái lợp tôn để cho rằng bà T không phải hộ sản xuất kinh doanh là không có căn cứ, không phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

[8.4.1] Tại Biên bản điều tra hiện trạng sử dụng đất và tài sản, vật kiến trúc, hoa màu trên đất nằm trong vùng quy hoạch xây dựng nhà máy tuyển quặng bauxit và sản xuất alumin ngày 06/12/2005 (bút lục 98, 99), thể hiện những người có mặt, gồm: Đại diện Phòng Tài chính-Kế hoạch là ông Lê Đình S; Đại diện Tổng Công ty Than Việt Nam: Ông Nguyễn Sỹ Kh; Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường: Ông Hoàng Ngọc Th; Đại diện Phòng Kinh tế: Ông Lê Thành L; Đại diện UBND xã N: Ông Đỗ Văn H, cán bộ địa chính xã; Đại diện ban tự quản thôn: Ông Hoàng Văn H; Đại diện gia đình, cá nhân có đất: Bà Bùi Thị Kim T. Tuy nhiên, tại phần ký xác nhận thì không có chữ ký của các ông Đỗ Văn H, ông Nguyễn Sỹ Kh, còn người ký đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường là ông Nguyễn Hữu S, không phải là ông Hoàng Ngọc Th. Ngoài ra, cũng không có chữ ký của bà T.

[8.4.2] Trong khi đó, tại Biên bản kiểm kê tài sản của đối tượng bị cưỡng chế từ chối nhận số 08/BBKK do Tổ Kiểm kê tài sản, thuộc Hội đồng cưỡng chế THĐ huyện Đ lập ngày 20/4/2011 (bút lục 234, 235), thể hiện tài sản của hộ bà T

tại thôn 3, xã N, gồm 01 Lò sấy cà phê, kích thước: Cao 1,13m, dài 6,20m, ngang 4,01m; 01 Lò sấy cà phê thành phẩm, kích thước: Dài 4,9m, ngang 2,5m, cao 1,07m; 01 Sàn phân loại cà phê bằng sắt; 01 Quạt cà phê bằng sắt; 01 Sàn phân loại cà phê chất lượng cao (bằng sắt); 01 Công tơ 3 pha. Đồng thời, tại Thông báo số 01/TB-HĐCC ngày 09/9/2011 của Hội đồng Cường chế THĐ, có nội dung xác nhận đã cường chế đưa vào kho tạm giữ một số tài sản của hộ bà T như đã ghi nhận tại Biên bản kiểm kê tài sản của đối tượng bị cường chế từ chối nhận số 08/BBKK ngày 20/4/2011 của Tổ Kiểm kê tài sản nêu trên và thông báo cho bà T biết để nhận lại số tài sản này kể từ ngày 12/9/2011 đến hết ngày 30/9/2011 trong các ngày làm việc từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 (buổi sáng) và từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 (buổi chiều).

[8.4.3] Quá trình tố tụng, ông Tr, bà T xác nhận những tài sản nêu trong Biên bản kiểm kê số 08/BBKK và Thông báo số 01/TB-HĐCC là của gia đình bà. Việc điều tra hiện trạng sử dụng đất và tài sản, vật kiến trúc, hoa màu trên đất theo Biên bản ngày 06/12/2005 thì gia đình bà không biết, không được tham gia nên không ký tên.

[8.4.4] Như vậy, có căn cứ cho rằng các tài sản nêu trên để phục vụ việc kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 63E8000488 do Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Đ cấp. Do đó, việc UBND huyện Đ không áp dụng chính sách hỗ trợ cho ông Tr, bà T theo đối tượng hộ sản xuất kinh doanh là không đúng Quyết định số 16/2005/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Nông, điều này cũng đã được thể hiện tại Báo cáo kết quả xác minh số 06/BC-ĐXM (bút lục 341).

[9] Đối với Quyết định 693 và giấy chứng nhận số CE112318 của UBND tỉnh Đắk Nông:

[9.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định 693 đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 59; khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 27 Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 28 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[9.2] Tuy nhiên, như nội nêu trên thì UBND huyện Đ chưa hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, trong đó có diện tích đất thu hồi của hộ ông Tr, bà T. Đồng thời, do việc thu hồi đất cũng như việc bồi thường đang bị ông Tr, bà T khiếu nại, chưa được giải quyết dứt điểm nhưng UBND tỉnh Đắk Nông vẫn ban hành Quyết định 693, có nội dung cho Ban Quản lý dự án Nhà máy Alumin N thuê 12.047,3m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng các hạng mục phụ trợ thuộc Dự án Nhà máy sản xuất Alumin N, trong đó có phần diện tích đất thu hồi của hộ ông Tr, bà T là không đúng quy định. Điều này cũng phù hợp với Báo cáo kết quả xác minh số 06/BC-ĐXM (bút lục 343).

[9.3] Căn cứ Quyết định 693, UBND tỉnh Đắk Nông đã cấp giấy chứng nhận số CE112318, trong đó có phần diện tích đất thu hồi của hộ ông Tr, bà T. Vì vậy, ông Tr, bà T yêu cầu hủy một phần Quyết định 693 và giấy chứng nhận số CE112318 đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ ông Tr, bà T là có cơ sở.

[10] Đối với việc sử dụng đất thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất **Alumin N**, nhu cầu sử dụng hệ thống cấp nước, đường điện phục vụ hoạt động sản xuất; kế hoạch sử dụng đất tại vị trí đất của hộ **ông Tr, bà T**:

[10.1] Tại Báo cáo kết quả xác minh số 06/BC-ĐXM (bút lục 341, 342), thể hiện: Vị trí đất của hộ **ông Tr, bà T** thuộc quy hoạch sử dụng đất trong mặt bằng tổng thể dự án là để xây dựng công trình phụ trợ nhà máy Alumin, gồm đồng điện 110kv, 6kv và đường ống nước phục vụ nhà máy sản xuất Alumin. Đến nay, Ban Quản lý nhà máy **Alumin N** đã thi công hoàn thiện theo thiết kế và sử dụng đúng mục đích, đúng quy hoạch sử dụng đất. Diện tích đất còn lại của hộ **ông Tr, bà T** là 386,569m² hiện tại Ban Quản lý nhà máy Alumin không sử dụng và không ảnh hưởng đến đường điện và đường ống nước. Từ khi được tạm giao đất năm 2006 đến nay, Ban Quản lý dự án nhà máy **Alumin N** không sử dụng 386,569m² là gây lãng phí về đất đai.

[10.2] Nội dung trên là phù hợp với kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông tại Báo cáo số 1610/BC-TNMT (bút lục 128), có nội dung: Công nhận nội dung đơn khiếu nại của hộ **bà T** về việc thu hồi đất của gia đình bà tại Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 19/7/2006 nhưng đến nay chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án nhà máy **Alumin N** chưa đưa vào sử dụng là có cơ sở. Cũng phù hợp với Báo cáo số 108/BC-TTr của Thanh tra tỉnh Đắk Nông (bút lục 134), có nội dung: Trên thực tế, diện tích đất đã thu hồi tại khu vực hộ **bà T** và 8 hộ dân, hiện nay Ban Quản lý dự án nhà máy **Alumin N** vẫn chưa sử dụng hết, còn lại diện tích đất nằm ngoài diện tích đất xây dựng và hành lang an toàn công trình.

[10.3] Tại Báo cáo số 1610/BC-TNMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông kiến nghị: Giao diện tích 278m² đã thu hồi của hộ **bà T** cho UBND **huyện Đ** quản lý, bố trí sử dụng, trong đó ưu tiên giao diện tích đất cho người bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc xử lý liên quan đến diện tích đất thực tế **bà T** sử dụng nằm ngoài giấy CNQSDĐ đã cấp, yêu cầu UBND **huyện Đ** chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức đo đạc diện tích đất thực tế và xem xét giải quyết khi hộ bà Tuyến đăng ký cấp lại giấy CNQSDĐ theo quy định (bút lục 128). Thực hiện Công văn số 3746/UBND-NC ngày 04/8/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông, ngày 28/8/2015, UBND **huyện Đ** đã ban hành công văn số 630/UBND-NL về việc đăng ký quyền sử dụng đất, có nội dung: Giao UBND **xã N** hướng dẫn và làm thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy CNQSDĐ cho hộ **bà T** theo quy định đối với phần diện tích mà hộ gia đình chưa được cấp giấy CNQSDĐ (Theo nội dung Báo cáo số 1610/BC-TNMT ngày 16/7/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông). Đồng thời đề nghị hộ **bà T** đến UBND **xã N** để kê khai đăng ký cấp giấy CNQSDĐ theo quy định.

[10.4] Tại Công văn số 5690/UBND-NC ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông (bút lục 191), có nội dung: Yêu cầu **UBND huyện Đ** rà soát lại toàn bộ các nội dung thu hồi và bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của hộ **ông Hà Xuân Tr** để xây dựng nhà máy **Alumin N**, đảm bảo từng nội dung được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Đối với ban Quản lý **nhà máy Alumin N** thì rà soát việc sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất được giao, cho thuê, bảo đảm việc

sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tránh trường hợp để lãng phí diện tích đất, để người dân lấn chiếm, sử dụng làm phát sinh tranh chấp, khiếu kiện.

[10.5] Như vậy, có căn cứ xác định Ban Quản lý Nhà máy **Alumin N** đã thi công, hoàn thiện theo thiết kế và sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch sử dụng đất. Diện tích đất còn lại của hộ **ông Tr, bà T** không được Ban Quản lý nhà máy Alumin sử dụng và cũng không ảnh hưởng đường điện, đường ống nước và hành lang an toàn. Vì vậy, việc **UBND huyện Đ** tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất của **ông Tr, bà T** là chưa thực hiện đúng nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Nông tại Công văn số 5690 nêu trên.

[11] Từ những nội dung nêu trên, thấy rằng Quyết định 1677 có nội dung thu hồi đất của **ông Tr, bà T**, là cơ sở để ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, quyết định cưỡng chế thu hồi đất, quyết định cho thuê đất, cấp giấy CNQSDĐ cho Ban Quản lý **Nhà máy Alumin N** và các quyết định giải quyết khiếu nại. Nhưng do Quyết định 1677 trái pháp luật và bị hủy một phần liên quan đến diện tích đất của **ông Tr, bà T** bị thu hồi nên các quyết định hành chính liên quan bị khiếu kiện cũng bị hủy phần tương ứng.

[12] Tại phiên tòa, Viện kiểm sát cho rằng có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo, một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ. Tuy nhiên, việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại do Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc hộ bà Tuyến có kinh doanh trên đất bị thu hồi, chưa làm rõ những vấn đề mang tính bản chất của vụ án là không cần thiết do bản án sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **ông Tr, bà T**.

[13] Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không xem xét đầy đủ quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ, thực tế sử dụng đất và các tình tiết khách quan của vụ án nhưng đã bác yêu cầu khởi kiện của **ông Tr, bà T** là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của **ông Tr, bà T**; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông; Sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện và buộc UBND **huyện Đ** phải thực hiện nhiệm vụ công vụ liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ cho **ông Tr, bà T** đúng quy định của pháp luật về đất đai. **Ông Tr, bà T** không phải chịu án phí phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai 2003, Luật Đất đai năm 2013; Điều 130, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Khoản 11, Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006; Điểm 1, khoản 1, Điều 32, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP

ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T.

2. Chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

3. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Xuân Tr và Bùi Thị Kim T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 656/QĐ – UBND ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T, hủy một phần các quyết định sau:

5.1 Quyết định số 1677/2006/QĐ-UBND ngày 19/7/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Đ “về việc thu hồi diện tích 1.463.402m² đất của 141 hộ gia đình, cá nhân thường trú tại thôn (11, 03) và bon Bù Dấp xã N, huyện Đ” đối với phần diện tích thu hồi đất của hộ gia đình bà Bùi Thị Kim T;

5.2 Quyết định số 3014/QĐ – UBND ngày 12/9/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Đ “về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình: Xây dựng Nhà máy tuyển quặng bauxit, sản xuất Alumini và xây dựng trụ sở làm việc” liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình bà Bùi Thị Kim T.

5.3 Quyết định 693/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông “về việc cho Ban quản lý dự án Nhà máy Alumini N thuê 12.047,3m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng các hạng mục phụ trợ thuộc Dự án Nhà máy sản xuất Alumini N” và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE112318 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cấp ngày 25/4/2017 cho Ban quản lý dự án Nhà máy Alumini N đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ ông Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T;

6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T, hủy toàn bộ các quyết định sau:

6.1 Quyết định số 2313/QĐ – UBND ngày 29/9/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông (giải quyết khiếu nại lần đầu).

6.2 Quyết định số 645/QĐ – UBND ngày 06/5/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông (giải quyết khiếu nại lần hai).

6.3 Quyết định số 331/QĐ – UBND ngày 02/03/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R’lấp về việc “Cưỡng chế thi hành Quyết định số 1677/QĐ- UBND ngày 19/7/2006 của UBND huyện Đắk R’lấp đối với hộ bà Bùi Thị Kim T”;

6.4 Quyết định số 2922/QĐ – UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R’lấp về việc thu hồi bổ sung 138m² đất của hộ gia đình ông Hà Xuân Tr (vợ là bà Bùi Thị Kim T) để thực hiện công trình xây dựng nhà máy

tuyển quặng bauxite, sản xuất Alumin và trụ sở làm việc tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông”;

6.5 Quyết định số 2924/QĐ – UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Hà Xuân Tr (vợ bà Bùi Thị Kim T) khi Nhà nước thu hồi đất thuộc công trình Xây dựng Nhà máy tuyển quặng bauxite, sản xuất Alumin và trụ sở làm việc”;

6.6 Quyết định số 218/QĐ – UBND ngày 26/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk R’lấp “về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Hà Xuân Tr trú tại thôn 03, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông”;

6.7 Quyết định số 2031/QĐ – UBND ngày 17/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T (lần hai)”.

7. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông phải thực hiện đúng nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật trong việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất của ông Hà Xuân Tr, bà Bùi Thị Kim T theo quy định của pháp luật về đất đai.

8. Về án phí:

8.1 Án phí sơ thẩm:

- Ông Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T không phải chịu và được trả lại 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001002 ngày 04/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, mỗi đương sự phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

8.2 Án phí phúc thẩm: Ông Hà Xuân Tr và bà Bùi Thị Kim T không phải chịu. Trả lại cho ông Tr, bà T mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001092 ngày 16/9/2020 và biên lai số 0001095 ngày 22/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (3), HS (2) (BĐA)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương